

Số: 149/TB-UBND

Vạn Phúc, ngày 12 tháng 4 năm 2023

THÔNG BÁO
Về việc niêm yết công khai quyết toán thu chi ngân sách
năm 2022 của phường Vạn Phúc

Căn cứ Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông báo số **294/TB-TCKH** ngày 07/4/2023 của Phòng Tài chính kế hoạch quận Hà Đông về việc Thẩm định quyết toán Ngân sách UBND phường Vạn Phúc năm 2022;

UBND phường Vạn Phúc niêm yết công khai quyết toán thu chi ngân sách phường năm 2022 (theo biểu kèm theo)

Địa chỉ niêm yết: Tại trụ sở UBND phường Vạn Phúc (đóng trên bảng tin).

Thời gian niêm yết: kể từ ngày 12/4/2023 đến hết ngày 12/5/2023 (trong vòng 30 ngày liên tục)

Vậy UBND phường Vạn Phúc thông báo tới toàn thể nhân dân được biết, đến tại trụ sở UBND phường xem niêm yết công khai quyết toán thu chi ngân sách phường năm 2022 theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước và đóng góp ý kiến./.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy - UBND phường;
- Các ban, ngành, đoàn thể phường;
- Các tổ dân phố;
- Đài truyền thanh phường;
- Lưu : VT.


Nguyễn Văn Dự

Đơn vị: UBND PHƯỜNG VẠN PHÚC

Chương: 799

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM 2022

(Kèm theo Thông báo số 149/TB-UBND ngày 12/4/2023 của UBND phường Vạn Phúc)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

DV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
1	Quyết toán thu	1.008.436.821	1.008.436.821			
A	Tổng số thu	1.008.436.821	1.008.436.821	-	-	-
1	<i>Số thu phí, lệ phí</i>	<i>87.950.000</i>	<i>87.950.000</i>			
1.1	Lệ phí	26.274.000	26.274.000			
1.2	Phí	61.676.000	61.676.000			
2	<i>Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ</i>	-	-	-	-	-
1	Tiền xe đạp					
2.2	Tiền học phí					
3	Thu sự nghiệp khác					
3	- Thu hoa lợi, công sản	0	0			
4	- Thu khác ngân sách	73.800.000	73.800.000			
5	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	846.686.821	846.686.821			
B	Chi từ nguồn thu được để lại	-	-	-	-	-
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	-	-	-	-
1.1	Tiền xe đạp					
1.2	Tiền học phí					
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
1.2	Chi quản lý hành chính					
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ					
3	Hoạt động sự nghiệp khác					
C	Số thu nộp NSNN	1.008.436.821	1.008.436.821			
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN	87.950.000	87.950.000			
1.1	Lệ phí	26.274.000	26.274.000			
1.2	Phí	61.676.000	61.676.000			
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ					
3	Hoạt động sự nghiệp khác	920.486.821	920.486.821			
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	8.527.280.490	8.527.280.490			
1	<i>Chi quản lý hành chính</i>	<i>6.169.686.496</i>	<i>6.169.686.496</i>			
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.600.756.936	3.600.756.936			
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2.568.929.560	2.568.929.560			
1.1	UBND phường	3.686.022.680	3.686.022.680			
	KP nhiệm vụ thường xuyên giao tự chủ	2.441.788.498	2.441.788.498			
	KP nhiệm vụ không thường xuyên	1.244.234.182	1.244.234.182			
1.2	Đảng ủy phường	1.067.337.702	1.067.337.702			

	KP nhiệm vụ thường xuyên giao tự chủ	423.293.060	423.293.060		
	KP nhiệm vụ không thường xuyên	644.044.642	644.044.642		
1.3	Khối đoàn thể	1.297.848.154	1.297.848.154		
	KP nhiệm vụ thường xuyên giao tự chủ	656.151.418	656.151.418		
	KP nhiệm vụ không thường xuyên	641.696.736	641.696.736		
1.4	Hỗ trợ các hội khác nếu có (Hội chữ thập đỏ, Hội người cao tuổi, Trung tâm học tập cộng đồng...)	118.477.960	118.477.960		
	KP nhiệm vụ thường xuyên giao tự chủ	79.523.960	79.523.960		
	KP nhiệm vụ không thường xuyên	38.954.000	38.954.000		
2	Nghiên cứu khoa học				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	60.558.500	60.558.500		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	60.558.500	60.558.500		
4	Chi quốc phòng	622.193.778	622.193.778		
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	622.193.778	622.193.778		
5	Chi an ninh	735.223.580	735.223.580		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	735.223.580	735.223.580		
6	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	130.459.800	130.459.800		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	130.459.800	130.459.800		
7	Chi bảo đảm xã hội	609.650.000	609.650.000		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	609.650.000	609.650.000		
8	Chi hoạt động kinh tế	4.518.336	4.518.336		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4.518.336	4.518.336		
9	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	20.820.000	20.820.000		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	20.820.000	20.820.000		
10	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	56.660.000	56.660.000		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	56.660.000	56.660.000		
11	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	34.510.000	34.510.000		

nă

a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	34.510.000	34.510.000			
12	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	23.000.000	23.000.000			
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	23.000.000	23.000.000			
13	Chi Chương trình mục tiêu					
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia					
	<i>(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)</i>					
2	Chi Chương trình mục tiêu					
	<i>(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)</i>					